

SỞ Y TẾ TP.HCM
BỆNH VIỆN TAI MŨI HỌNG

Số: 497/TB-BVTMH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO

V/v: Mời báo giá dự toán “Sửa chữa Hệ thống lạnh trung tâm Khu D”.

Bệnh viện Tai Mũi Họng đang có kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Sửa chữa Hệ thống lạnh trung tâm khu D” (theo mẫu đính kèm - Phụ lục 1):

Bệnh viện kính mời các Quý Công ty có năng lực quan tâm gửi đến Bệnh viện chúng tôi bảng báo giá theo danh mục để Bệnh viện làm giá dự toán thực hiện gói thầu này theo đúng quy định.

- Thời gian: từ ngày nhận được thông báo đến ngày 01 / 8 /2025.

- Lưu ý:

+ Bản báo giá cần ký tên đóng dấu xác nhận của Quý Công ty, để vào bao thư dán kín

+ Ngoài bao thư ghi rõ tên Quý Công ty và ghi thêm “Bảng báo giá Sửa chữa Hệ thống lạnh trung tâm khu D”.

+ Gửi qua văn thư (bảo vệ cổng số 4).

Mọi thắc mắc xin liên lạc về Phòng Hành chính Quản trị Bệnh viện Tai Mũi Họng, số 155B Trần Quốc Thảo, Phường 9, Quận 3, TP.HCM (điện thoại: 028. 3931 7381)

Rất mong được sự quan tâm của Quý Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- P. QLCL (để kiểm duyệt);
- P. CNTT (đăng tải website BV);
- Lưu: VT, HCQT (PTHA/03b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



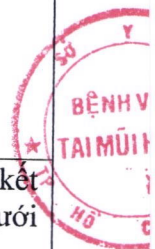
Khru Minh Thái



PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thông báo số 497/TB-BVTMH ngày 21 tháng 7 năm 2025)

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
I	SỬA CHỮA HT LẠNH TRUNG TÂM KHU D			
01	Gen bọc ống đồng Ø 6	Mét	280	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
02	Gen bọc ống đồng Ø 10	Mét	310	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
03	Gen bọc ống đồng Ø 12	Mét	430	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm



STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
04	Gen bọc ống đồng Ø 16	Mét	100	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
05	Gen bọc ống đồng Ø 19	Mét	270	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
06	Gen bọc ống đồng Ø 22	Mét	60	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
07	Gen bọc ống đồng Ø 29	Mét	100	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
				- Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
08	Gen bọc ống đồng Ø 35	Mét	120	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
09	Gen bọc ống đồng Ø 21	Mét	30	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
10	Gen bọc ống đồng Ø 27	Mét	80	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm

STT	Tên hàng hoá/dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
121	Gen bọc ống đồng Ø 34	Mét	260	- Vật liệu Polyolefin Flexicell cấu trúc ô kín liên kết ngang hóa học, bề mặt phủ nhôm nguyên chất có lưới gân tăng cường . - Hệ số dẫn nhiệt (giá trị K) là 0,032 ~ 0.04 W/mK tại 23°C theo ASTM C518 - Độ thấm thấu hơi nước ≤ 0.027 ng/Pa.s.m² theo ASTM E96 - Chỉ số lan truyền lửa (FSI) < 25 & Chỉ số sinh khói (SDI) < 50 theo ASTM E84 - Class 0 theo BS 476 part 6& 7 - Cấp chịu lửa HF-1 theo UL94 - FM Approved (FM 4924) - Kháng khuẩn theo tiêu chuẩn ASTM G21:2021 - Độ dày bảo ôn: 20mm
12	Xi quăn	Kg	350	- Simili trắng bằng nhựa PVC, dẻo dai, bản rộng 8cm
13	Vật tư phụ	Gói	01	Bao gồm băng keo, tất kế dán, ốc vít, keo dán, gió đá, bạc hàn, xi cuốn, vật tư hoàn chỉnh...
14	Sạc gas máy lạnh	Bình	06	- Gas R410 - Bình # 11,3 kg - Đặc tính kỹ thuật tương đương Gas Ấn Độ Refron
15	Cắt trần thạch cao, vá lại trần , sơn hoàn thiện	M2	700	Cắt trần thạch cao tại các vị trí ống đồng, sau khi thực hiện xong vá lại trần và sơn lại trần. Lưu ý: thực hiện công tác ngoài giờ hành chính hoặc, ban đêm, thời gian thực hiện tối đa 25 ngày
16	Nhân công thực hiện	Gói	01	Bao gồm: thay gen, dọn dẹp. Lưu ý: thực hiện công tác ngoài giờ hành chính hoặc, ban đêm, thời gian thực hiện tối đa 25 ngày